|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: /2025/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO 03**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo**

**và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.*

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; sàn dữ liệu; thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động sàn dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động dữ liệu số tại Việt Nam.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu là sản phẩm, dịch vụ được tạo thành từ dữ liệu hoặc sử dụng dữ liệu là nguồn tài nguyên chính để phát triển, ứng dụng, giao dịch.

2. Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu (sau đây viết gọn là hoạt động thử nghiệm có kiểm soát) là việc cơ quan nhà nước cho phép cá nhân, tổ chức thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu mà chưa có quy định của pháp luật hoặc pháp luật quy định chưa đầy đủ.

3. Rủi ro trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là những yếu tố không chắc chắn hoặc bất định có thể gây ra các tác động tiêu cực, làm gián đoạn hoặc ảnh hưởng đến quá trình thực hiện, kết quả đạt được hoặc khả năng ứng dụng của các dự án và sáng kiến.

4. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu (sau đây viết gọn là hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu) là hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

# Chương II

# HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VỀ DỮ LIỆU

## Điều 4. Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. Bộ, các cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phê duyệt về phương án triển khai hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trường hợp sử dụng dữ liệu từ nguồn dữ liệu của hai Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Công an quyết định phê duyệt phương án triển khai hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được ưu tiên sử dụng Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia.

3. Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu phải bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

## Điều 5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. Bộ Công an là đầu mối thực hiện quản lý hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu đối với các dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia theo Luật Dữ liệu, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Bộ Quốc phòng là đầu mối thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

3. Tập trung đẩy mạnh hợp tác quốc tế nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo về dữ liệu; ưu tiên các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, truyền thông dữ liệu, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và công nghệ hiện đại khác.

## Điều 6. Phát triển các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. Nhà nước ưu tiên hỗ trợ đầu tư, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu; xây dựng, kết nối, phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học, các tổ chức khoa học công nghệ về dữ liệu trong và ngoài nước; tổ chức xây dựng các trung tâm nghiên cứu về khoa học dữ liệu, đổi mới sáng tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, truyền thông dữ liệu, Internet vạn vật, dữ liệu lớn và công nghệ hiện đại khác trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

2. Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế đặc thù thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao trong các nhóm ngành công nghệ thông tin, an ninh mạng, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo về làm việc cho cơ quan nhà nước.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các Bộ ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức, xây dựng chương trình đào tạo, trung tâm đào tạo chuyên sâu, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu.

4. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp các Bộ ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng cơ chế, chính sách về tín dụng, học bổng và học phí để thu hút học sinh, sinh viên và cơ chế đặc thù về hợp tác công tư trong đào tạo các lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

5. Bộ Công an chủ trì phối hợp các Bộ ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan hỗ trợ ươm tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu.

## Điều 7. Chính sách ưu đãi phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. Cá nhân, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được hưởng chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; được ưu tiên có chế độ hỗ trợ đặc thù cao nhất trong ngành, lĩnh vực tương đồng với ngành công nghệ cao; được hưởng tiền thưởng 5% trên giá trị giải pháp đổi mới sáng tạo được phê duyệt thử nghiệm mang lại sau khi nghiệm thu và triển khai thực tế tối đa 02 năm từ nguồn Quỹ Phát triển dữ liệu quốc gia.

2. Cá nhân, tổ chức hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được ưu tiên nhận tài trợ, hỗ trợ, vay vốn và bảo lãnh vốn vay của các Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quỹ, nguồn tài trợ hợp pháp khác để triển khai các hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được khuyến khích, hỗ trợ, ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

## Điều 8. Nguyên tắc thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. Tạo lập môi trường thử nghiệm nhằm đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích của sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo phù hợp với nhu cầu thị trường, khuôn khổ pháp lý, quy định quản lý.

2. Hạn chế rủi ro khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo do tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cung cấp.

3. Kết quả triển khai, thử nghiệm là cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét, đánh giá các rủi ro có thể phát sinh trước khi quyết định đưa vào ứng dụng chính thức, xác định cơ chế quản lý, điều chỉnh phù hợp.

4. Bảo đảm minh bạch trong quá trình đánh giá, lựa chọn, xét duyệt tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

5. Đối với các sản phẩm, dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa được pháp luật quy định, cá nhân, tổ chức có nhu cầu và đáp ứng các điều kiện, tiêu chí đăng ký được phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo quy định của Nghị định này.

6. Phạm vi giới hạn về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng thử nghiệm được đề xuất phù hợp với năng lực kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu.

7. Cơ quan nhà nước xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu chịu trách nhiệm về việc tiến hành hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

## Điều 9. Điều kiện tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

Cá nhân, tổ chức được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chí như sau:

1. Tổ chức là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng của Việt Nam hoặc của nước ngoài đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử;

b) Có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ trên 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quyết định của Tòa án;

c) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hoặc đang trong thời gian chờ áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính

2. Cá nhân là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Giải pháp đề nghị tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chí:

a) Có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp liên quan hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu;

b) Đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro về quyền riêng tư và an ninh dữ liệu, rủi ro về tài chính, rủi ro về xã hội và đạo đức, rủi ro về an ninh quốc gia; đã xây dựng phương án hợp lý về xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm phù hợp;

c) Đã được cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

d) Có tính khả thi để triển khai ứng dụng sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

## Điều 10. Phương án thử nghiệm có kiểm soát trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành thử nghiệm phải lập phương án bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tên phương án thử nghiệm;

2. Thông tin về tổ chức, cá nhân chủ trì phương án thử nghiệm;

3. Sự cần thiết;

4. Mục tiêu và nội dung chính của phương án thử nghiệm;

5. Lĩnh vực thử nghiệm và mục tiêu kinh tế - xã hội của hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

6. Mô tả giải pháp về sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm, đánh giá mức độ rủi ro, quyền lợi, trách nhiệm các bên, các biện pháp kiểm soát, các biện pháp kiểm soát rủi ro chi tiết cho: rủi ro về quyền riêng tư và an ninh dữ liệu, rủi ro về tài chính, rủi ro về xã hội và đạo đức, rủi ro về an ninh quốc gia;

7. Kết quả dự kiến;

8. Phạm vi hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

9. Thời gian hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

10. Kinh phí thực hiện;

11. Nguyên tắc trao đổi, báo cáo với đơn vị phê duyệt phương án thực hiện thử nghiệm trong giai đoạn thử nghiệm.

## Điều 11. Phạm vi thử nghiệm có kiểm soát

1. Không gian thử nghiệm bao gồm: không gian vật lý (máy chủ vật lý), không gian mạng (sử dụng mạng cục bộ (LAN), mạng diện rộng (WAN), mạng Internet và các dịch vụ đám mây), không gian địa lý (triển khai tại địa điểm của cá nhân, tổ chức chủ trì thử nghiệm, triển khai tại chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an phê duyệt phương án).

2. Thời hạn thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phê duyệt không quá 02 năm theo phương án được thẩm định, có thể được gia hạn 01 lần không quá thời gian thử nghiệm đã được phê duyệt.

3. Việc thử nghiệm có kiểm soát được thực hiện dưới hình thức cho phép có thời hạn đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mà pháp luật chưa có quy định, chưa cho phép thực hiện hoặc cho phép có thời hạn và không áp dụng một số quy định của pháp luật trong phạm vi giới hạn thử nghiệm đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh đã có.

## Điều 12. Trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, phê duyệt hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt.

b) Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đối với hồ sơ, tài liệu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp thì cung cấp số, ký hiệu, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, người ký vào mẫu đơn đề nghị để cơ quan có thẩm quyền khai thác trực tuyến, cá nhân không phải nộp thành phần hồ sơ này.

2. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN01](#HDTN01) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN02](#HDTN02) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành khi triển khai giải pháp đăng ký hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (đối với tổ chức);

c) Phương án thử nghiệm;

d) Hồ sơ về nhân sự: Bản khai lý lịch (trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng), bản sao các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật và các cán bộ chủ chốt thực hiện triển khai thử nghiệm;

e) Bản sao các tài liệu chứng minh tổ chức đăng ký tham gia Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được thành lập và hoạt động hợp pháp gồm: Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương; Điều lệ; Giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có).

3. Trình tự, thời hạn giải quyết đối với trường hợp sử dụng một nguồn dữ liệu từ một đơn vị chủ quản dữ liệu:

a) Cá nhân, tổ chức, nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích về đơn vị chủ quản dữ liệu;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị chủ quản dữ liệu xin ý kiến Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) và các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ;

c) Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan chủ quản dữ liệu.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các đơn vị, đơn vị chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xem xét và quyết định cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho cá nhân ([mẫu HDTN03](#HDTN03)), tổ chức ([mẫu HDTN04](#HDTN04)); trường hợp không chấp thuận hồ sơ đăng ký thử nghiệm thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trình tự, thời hạn giải quyết đối với trường hợp sử dụng hai nguồn dữ liệu từ hai đơn vị chủ quản dữ liệu:

a) Cá nhân, tổ chức, nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích về Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia);

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của đơn vị chủ quản dữ liệu, Bộ Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khác có liên quan. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Công an có thể thành lập Hội đồng tư vấn để đánh giá về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

c) Trong thời hạn 10 ngày, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời Bộ Công an.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các đơn vị, Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) có trách nhiệm xem xét và quyết định cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho cá nhân ([mẫu HDTN03](#HDTN03)), tổ chức ([mẫu HDTN04](#HDTN04)); trường hợp không chấp thuận hồ sơ đăng ký thử nghiệm thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, phê duyệt thử nghiệm và chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

## Điều 13. Điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Khi có sự điều chỉnh về giải pháp sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo tham gia thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm tổ chức tham gia thử nghiệm phải thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và chỉ được thực hiện điều chỉnh sau khi được Cơ quan cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát chấp thuận.

2. Hồ sơ

a) Đề nghị điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN05](#HDTN05) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN06](#HDTN06) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Phương án thử nghiệm sau khi điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

c) Trong trường hợp gia hạn thời gian thử nghiệm cá nhân, tổ chức phải nộp Báo cáo kết quả về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN07](#HDTN07) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN08](#HDTN08) cho tổ chức ban hành kèm Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân, tổ chức gửi hồ sơ điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích đến đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) xin ý kiến các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ. Sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

c) Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan chủ quản dữ liệu. Căn cứ phương án thử nghiệm sau khi điều chỉnh và ý kiến góp ý của các đơn vị liên quan (nếu có), đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) có văn bản chấp thuận việc điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; trường hợp không chấp thuận có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

## Điều 14. Gia hạn hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Trong thời gian không quá 30 ngày trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm được phê duyệt, cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm gửi văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm theo [mẫu HDTN13](#HDTN13) cho cá nhân và [mẫu HDTN14](#HDTN14) cho tổ chức kèm Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đến đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia);

2. Cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp văn bản gia hạn hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo trình tự quy định tại khoản 3 [Điều 13](#_Điều_13._Điều) Nghị định này.

## Điều 15. Kết thúc thử nghiệm có kiểm soát

Khi kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát hoặc cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại [Điều 16](#_Điều_16._Quyết), [Điều 17](#_Điều_17._Cấp) Nghị định này.

## Điều 16. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) xem xét quyết định dừng thử nghiệm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm đề nghị dừng thử nghiệm;

b) Sau 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát mà không triển khai thử nghiệm trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

c) Cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 [Điều 9](#_Điều_9._Điều) Nghị định này.

d) Cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm không thực hiện đúng, đủ các nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

đ) Phát sinh những rủi ro nghiêm trọng trong quá trình thử nghiệm, có khả năng gây rủi ro lớn, thiệt hại thực tế tới khách hàng hoặc gây bất ổn cho hoạt động kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng quốc gia; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực.

2. Chậm nhất 15 ngày sau khi xem xét quyết định dừng thử nghiệm, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

3. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm xem xét dừng thử nghiệm, ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

## Điều 17. Cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được cấp trong các trường hợp như sau:

a) Cá nhân, tổ chức đề nghị kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trước thời hạn được phê duyệt;

b) Hết thời hạn thực hiện thử nghiệm được quy định tại Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát hoặc hết thời gian đã được gia hạn thử nghiệm.

2. Thành phần hồ sơ

a) Đề nghị cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN09](#HDTN09) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN10](#HDTN10) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.

b) Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN07](#HDTN07) dành cho cá nhân và [mẫu HDTN08](#HDTN08) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.

3. Trình tự thực hiện

a) Cá nhân, tổ chức, nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích về đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) xin ý kiến các đơn vị có liên quan để làm cơ sở phê duyệt hồ sơ.

Sau thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xử lý hồ sơ.

c) Trong trường hợp cần thiết, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an có thể thành lập Hội đồng tư vấn để nghiệm thu kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

d) Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời cơ quan chủ quản dữ liệu.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các đơn vị, đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an chấp thuận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho cá nhân ([mẫu HDTN11](#HDTN11)), cho tổ chức ([mẫu HDTN12](#HDTN12)).

e) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm Cấp giấy chứng kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ yếu.

g) Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát không có giá trị thay thế cho Giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động của tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

## Điều 18. Hoạt động giám sát và kiểm tra quá trình thử nghiệm

1. Cơ quan cấp giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thực hiện giám sát các tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thông qua các hoạt động như sau:

a) Theo dõi hoạt động của các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thông qua việc:

Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các nguồn sau: các báo cáo, thông tin cung cấp của cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo quy định tại Điều này; tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập thông qua hoạt động kiểm tra tại chỗ đối với cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; thông tin liên quan đến các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cung cấp; thông tin phản hồi của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; các nguồn thông tin khác do cơ quan cấp giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát yêu cầu cung cấp để phục vụ cho công tác giám sát.

So sánh, đối chiếu, kiểm tra tính chính xác của số liệu; nhận định, đánh giá về tính hợp lý của tài liệu, thông tin, dữ liệu; trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp, yêu cầu tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát báo cáo giải trình kịp thời và gửi lại thông tin chính xác.

Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu được thu thập, so sánh, đối chiếu, kiểm tra.

b) Đánh giá rủi ro về hoạt động thử nghiệm có kiểm soát và các giải pháp tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

c) Cảnh báo, khuyến nghị trong trường hợp phát hiện các vấn đề rủi ro tiềm ẩn trong quá trình thử nghiệm, có văn bản cảnh báo, khuyến nghị đối với cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

 2. Cơ quan cấp giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tiến hành kiểm tra tại chỗ đối với tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, không quá 02 lần/năm khi phát sinh trường hợp như sau:

a) Phát hiện hoặc có nghi ngờ tài liệu, thông tin, dữ liệu do các tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cung cấp có dấu hiệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc không phù hợp;

b) Phát hiện những vấn đề có liên quan đến rủi ro cần thu thập thêm tài liệu, thông tin, dữ liệu;

c) Phát hiện những vấn đề liên quan tới việc không bảo đảm quyền lợi của khách hàng theo thỏa thuận ban đầu.

## Điều 19. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin

1. Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có trách nhiệm báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin đột xuất về quá trình thử nghiệm, các rủi ro phát sinh, kết quả triển khai thử nghiệm cho đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) theo quy định.

2. Việc nộp báo cáo, cung cấp thông tin thực hiện qua phương thức điện tử hoặc văn bản tới đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia).

3. Báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát thực hiện theo [mẫu HDTN07](#HDTN07) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN08](#HDTN08) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý tiếp theo.

4. Trước khi kết thúc thời hạn thử nghiệm ít nhất 30 ngày, cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải nộp Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát theo [mẫu HDTN07](#HDTN07) dành cho cá nhân hoặc [mẫu HDTN08](#HDTN08) dành cho tổ chức tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định này.

5. Trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động hoặc rủi ro nghiêm trọng xảy ra, cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát phải báo cáo ngay cho đơn vị chủ quản dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia).

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành biện pháp xử lý rủi ro, biện pháp khắc phục sự cố, cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo bằng văn bản cho đơn vị chủ quan dữ liệu hoặc Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia).

## Điều 20. Bảo vệ đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ từ hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng sử dụng trong quá trình thử nghiệm và sau khi kết thúc thử nghiệm, cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm có trách nhiệm:

1. Khuyến cáo rủi ro khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới được tạo ra bởi sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo trong thời gian thử nghiệm; bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới được tạo ra sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo thử nghiệm, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới được tạo ra bởi sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo.

2. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro, khắc phục hậu quả trong quá trình và kết thúc thử nghiệm; kịp thời thông báo cho người sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo tham gia thử nghiệm.

3. Công bố đầu mối giải quyết khiếu nại của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm có trách nhiệm tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại của người sử dụng.

4. Thực hiện biện pháp bồi thường thiệt hại, phương án khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật dân sự trong quá trình thử nghiệm và khi kết thúc thử nghiệm.

5. Các trách nhiệm khác theo pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và pháp luật khác có liên quan.

## Điều 21. Quyền và trách nhiệm của chủ quản dữ liệu đối với hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. Tham mưu xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các hướng dẫn thực hiện pháp luật cho hoạt động thử nghiệm có kiểm soát;

2. Tiếp nhận, xem xét, giải đáp các vướng mắc về pháp luật phát sinh trong quá trình thử nghiệm phù hợp với thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết;

3. Kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc thử nghiệm; đánh giá việc áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các nguy cơ lạm dụng, vượt tầm kiểm soát trong quá trình thử nghiệm;

4. Tiếp nhận, xem xét, giải quyết trong phạm vi thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với các kiến nghị, phản ánh của người dùng hay của bên thứ ba về việc thử nghiệm;

5. Yêu cầu cá nhân, tổ chức thử nghiệm báo cáo, giải trình về các vấn đề phát sinh; bổ sung các biện pháp kiểm soát rủi ro; quyết định tạm dừng thử nghiệm; quyết định điều chỉnh phạm vi thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm, chấm dứt thử nghiệm.

## Điều 22. Quyền và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm có kiểm soát

1. Cá nhân, tổ chức thực hiện thử nghiệm có kiểm soát được phép không áp dụng một số quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, về điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục cấp phép, bảo đảm điều kiện kinh doanh và các quy định khác không phù hợp với đặc điểm, tính năng mới của công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh được đề xuất thử nghiệm.

2. Cơ quan cấp Giấy tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát quyết định phạm vi miễn áp dụng các quy định của pháp luật đối với từng dự án thử nghiệm cụ thể phù hợp với yêu cầu, mục đích thử nghiệm trên cơ sở đánh giá về mức độ rủi ro và khả năng kiểm soát.

3. Trong quá trình thử nghiệm, các bên tham gia phải bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền lợi của người dùng và lợi ích của xã hội.

4. Phải báo cáo đầy đủ về tình trạng thử nghiệm, các rủi ro có thể phát sinh và các biện pháp bồi thường thiệt hại nếu có, bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình thử nghiệm.

## Điều 23. Miễn trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

Cá nhân, tổ chức phê duyệt hoạt động thử nghiệm có kiểm soát được miễn trừ trách nhiệm đối với nhà nước khi xảy ra thiệt hại, rủi ro vì các nguyên nhân khách quan sau:

1. Cá nhân, tổ chức tham gia trực tiếp đến thẩm định, cấp phép, kiểm soát, đánh giá quá trình thử nghiệm đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại [Điều 21](#_Điều_20._Quyền), [Điều 22](#_Điều_22._Quyền) Nghị định này trong phạm vi trách nhiệm được giao, có động cơ trong sáng, vì lợi ích chung thì được loại trừ trách nhiệm hoặc không bị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro đối với quá trình thử nghiệm nhưng không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.

2. Cá nhân, tổ chức tham gia thử nghiệm được miễn trách nhiệm dân sự nếu gây thiệt hại cho Nhà nước, được loại trừ trách nhiệm hành chính khi đã tuân thủ đúng, đủ quy định tại [Điều 19](#_Điều_19._Chế), [Điều 20](#_Điều_20._Bảo) Nghị định này và các nội dung cho phép thử nghiệm tại văn bản cho phép thử nghiệm, trừ trường hợp trong quá trình thử nghiệm đã biết hoặc buộc phải biết về nguy cơ rủi ro nhưng không kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan có thẩm quyền và không áp dụng đầy đủ biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, hạn chế mức độ thiệt hại có thể xảy ra.

# Chương III

# SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TRUNG GIAN DỮ LIỆU

## Điều 24. Sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

1. Sản phẩm trung gian dữ liệu được Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ cung cấp hạ tầng, trang thiết bị, ứng dụng, phần mềm phục vụ chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu thực hiện hoạt động quy định tại [Điều 25](#_Điều_25._Nội) Nghị định này.

2. Dịch vụ trung gian dữ liệu được Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ cung cấp để phục vụ hoạt động trung gian dữ liệu kết nối, truyền dẫn, truy cập và xử lý dữ liệu điện tử giữa chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu và bên sử dụng sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu bảo đảm an toàn, hiệu quả và đúng định dạng.

3. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu giữa bên sử dụng dịch vụ với cơ quan nhà nước được đăng ký, quản lý và cấp phép theo quy định tại Nghị định này.

4. Các tổ chức khác không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này được đề nghị Bộ Công an thẩm định, đánh giá và chứng nhận là tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu để được hưởng ưu đãi như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, công nghiệp công nghệ số.

## Điều 25. Nội dung hoạt động trung gian dữ liệu

1. Đại diện cho chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu để thực hiện kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu với bên sử dụng dịch vụ.

2. Tư vấn, đánh giá tác động việc xử lý dữ liệu, việc cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu giữa chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu và bên sử dụng dịch vụ dữ liệu.

3. Dịch vụ quản trị dữ liệu để uỷ thác thay mặt cho chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu để kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu với bên sử dụng dữ liệu.

4. Đại lý kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu giữa bên chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu với bên sử dụng dữ liệu.

5. Dịch vụ cung cấp hạ tầng, trang thiết bị, ứng dụng, phần mềm, dịch vụ truyền đưa và các loại hình khác để phục vụ hoạt động trung gian dữ liệu.

6. Dịch vụ hỗ trợ, kiểm soát các thuộc tính của dữ liệu bảo đảm quyền riêng tư, dữ liệu nhạy cảm, dữ liệu cá nhân, đánh giá rủi ro đối với hoạt động chuyển, xử lý dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng theo quy định của pháp luật trong hoạt động trung gian dữ liệu.

7. Dịch vụ hợp tác, chia sẻ dữ liệu để phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác, truy cập dữ liệu theo quy định của pháp luật.

8. Thẩm định điều kiện tham gia Sàn dữ liệu của các chủ thể có liên quan; tính hợp pháp và việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của sản phẩm, dịch vụ dữ liệu; khả năng đáp ứng yêu cầu trong việc bảo đảm an ninh, an toàn khi sử dụng sản phẩm dữ liệu.

9. Các hoạt động khác thực hiện theo quy định hoạt động thử nghiệm có kiểm soát để đánh giá, phân tích bổ sung vào hoạt động trung gian dữ liệu.

## Điều 26. Điều kiện đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu giữa bên sử dụng dịch vụ với cơ quan nhà nước

1. Tổ chức quy định tại khoản 4 [Điều 24](#_Điều_24._Sản) Nghị định này bao gồm đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

b) Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 40% làm việc chính thức, 30% có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về: khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự.

Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu phải có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ bao gồm các nội dung chính sau:

1. Phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian dữ liệu bao gồm thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin;
2. Phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ;
3. Phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh an toàn thông tin của hệ thống cung cấp dịch vụ;
4. Phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức;

đ) Phương án bảo đảm an ninh, trật tự;

1. Phương án về thanh toán;

g) Phương án thẩm định dữ liệu;

h) Phương án sử dụng dịch vụ về định danh và xác thực điện tử;

i) Phương án phòng cháy và chữa cháy, dự phòng thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt dịch vụ trung gian dữ liệu;

k) Thuyết minh về trang thiết bị kỹ thuật được sử dụng.

4. Điều kiện về tài chính

Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam không dưới 05 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ do lỗi của Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy phép.

## Điều 27. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu

1. Chứng minh trách nhiệm thông qua việc kết nối, chia sẻ, trao đổi, truy cập dữ liệu và bảo vệ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật.

2. Thông báo cho cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu dữ liệu, chủ thể dữ liệu, bên sử dụng dữ liệu về mục đích cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu và đảm bảo các quyền của cá nhân theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Việc thu thập, sử dụng hoặc tiết lộ dữ liệu cá nhân cho các mục đích hợp pháp và phải được chủ thể dữ liệu đồng ý.

4. Bảo đảm rằng dữ liệu chính xác, đầy đủ từ chủ thể dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu cung cấp cho bên sử dụng dịch vụ.

5. Bảo đảm việc truy cập dữ liệu đúng mục đích, đúng đối tượng, khai thác đúng theo hợp đồng đã ký kết.

6. Thực hiện các biện pháp bảo vệ, bảo mật hợp lý để bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quyền sở hữu của tổ chức, bao gồm ngăn chặn truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ trái phép hoặc các rủi ro tương tự.

7. Giới hạn việc lưu trữ dữ liệu cá nhân trong thời gian cần thiết và xử lý thông tin cá nhân đúng cách khi không còn cần thiết cho mục đích kinh doanh hoặc pháp lý.

8. Bảo đảm giới hạn chuyển giao dữ liệu cá nhân xuyên biên giới theo các yêu cầu của quy định, bảo đảm rằng tiêu chuẩn bảo vệ tương đương với tiêu chuẩn theo yêu cầu pháp luật có liên quan.

9. Thông báo vi phạm dữ liệu tới cá nhân, tổ chức bị ảnh hưởng ngay khi có thể nếu có vi phạm dữ liệu có khả năng gây ra tác hại đáng kể cho cá nhân hoặc có quy mô đáng kể.

10. Bảo đảm khả năng chuyển dữ liệu tới đúng bên sử dụng dữ liệu theo đúng thỏa thuận đã ký kết.

11. Bảo đảm khả năng tư vấn, đánh giá tác động việc xử lý dữ liệu, thẩm định dữ liệu, các hình thức thanh toán linh hoạt, quy định về thuế, phí, giá theo quy định của hoạt động thương mại điện tử.

12. Tổ chức tham gia hoạt động trung gian dữ liệu phải thực hiện việc xác thực danh tính theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

# Chương IV

# SẢN PHẨM, DỊCH VỤ PHÂN TÍCH, TỔNG HỢP DỮ LIỆU

## Điều 28. Các cấp độ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Cấp độ 1: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu do con người trực tiếp thực hiện.

2. Cấp độ 2: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu do con người trực tiếp thực hiện và có hỗ trợ một phần bởi trí tuệ nhân tạo.

3. Cấp độ 3: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu thực hiện hoàn toàn bởi trí tuệ nhân tạo, có sự giám sát của con người trong quá trình thực hiện.

4. Cấp độ 4: Việc phân tích, tổng hợp dữ liệu thực hiện hoàn toàn bởi trí tuệ nhân tạo, không có sự giám sát của con người.

## Điều 29. Quản lý sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu sau đây phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu bao gồm:

a) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu thuộc nhóm cấp độ 3, cấp độ 4 trong hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước.

Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có thể gây nguy hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng phải đăng ký hoạt động, quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

c) Sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có sử dụng dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng.

2. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu sau đây được đề nghị Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu để hưởng ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ đó như các các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, công nghiệp công nghệ số; chính sách ưu đãi phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu bao gồm:

a) Trợ lý ảo, hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh, hệ thống phân tích các nội dung tự động về video, hình ảnh, tin tức, bài viết và các sản phẩm, dịch vụ tương tự khác có tương tác trực tiếp đến bên sử dụng dịch vụ, có nguy cơ gợi ý, định hướng bên sử dụng dịch vụ đến các nội dung sai lệch;

b) Các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp các dữ liệu nhạy cảm của cá nhân có quy mô dữ liệu từ 01 triệu cá nhân trở lên;

c) Các sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp cấp độ 3, cấp độ 4, thực hiện tự động trong các hệ thống công nghiệp, sản xuất chiếm 20% cơ cấu sử dụng trong ngành công nghiệp, sản xuất đó trở lên;

d) Đạt quy mô nhất định về dữ liệu phục vụ huấn luyện mô hình phân tích tổng hợp dữ liệu 10 TB dữ liệu trở lên.

## Điều 30. Điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

Tổ chức kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Điều kiện về nhân sự

Có đội ngũ quản lý, điều hành đáp ứng được yêu cầu chuyên môn phân tích, tổng hợp dữ liệu; có cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm chính có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về một trong các chuyên môn sau: Khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu với số lượng nhân sự đáp ứng được quy mô, yêu cầu của phương án kinh doanh.

3. Có hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và công nghệ sản xuất phù hợp với phương án kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

4. Có phương án kinh doanh phù hợp và bao gồm các nội dung: Phạm vi đối tượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; loại hình sản phẩm dự kiến cung cấp; sự đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ; các tính năng kỹ thuật cơ bản của sản phẩm, dịch vụ.

## Điều 31. Các tiêu chí thẩm định sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Thẩm định nguồn dữ liệu để phân tích, tổng hợp đúng quy định của pháp luật.

2. Thẩm định mô hình, công thức phân tích, tổng hợp dữ liệu không tác động, định hướng người dùng ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, an toàn của các hệ thống công nghiệp, hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, sức khỏe cộng đồng, giao thông, môi trường, tư pháp, công cộng.

3. Thẩm định về độ chính xác của mô hình phân tích, tổng hợp dữ liệu.

## Điều 32. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo quy định; chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ cung cấp.

2. Trong quá trình cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu bên cung cấp sản phẩm, dịch vụ phải cung cấp và bảo đảm bên sử dụng nắm bắt rõ các nội dung sau:

a) Tên, thông tin liên hệ và cách thức tiếp cận thông tin liên quan của bên cung cấp sản phẩm, dịch vụ;

b) Chức năng, mục đích, phạm vi sử dụng và cơ chế vận hành của sản phẩm, dịch vụ;

c) Tác động, rủi ro có thể ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên sử dụng dịch vụ;

d) Thông tin về giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

đ) Quyền và nghĩa vụ bên sử dụng dịch vụ.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu, bảo mật thông tin, bảo đảm tính chính xác của việc cung cấp dịch vụ; ban hành quy trình hoạt động sàn dữ liệu và được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về dữ liệu.

4. Tuân thủ phương án, quy trình hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ đã được phê duyệt.

5. Tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu quy định tại [Điều 28](#_Điều_28._Các) Nghị định này phải gửi báo cáo định kỳ về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo [mẫu BC01](#BC01)tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Bộ Công an (qua Trung tâm dữ liệu quốc gia) trước ngày 20/12 hằng năm (từ ngày 15/12 năm trước đến hết ngày 15/12 năm báo cáo) hoặc báo cáo đột xuất khi được yêu cầu (nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc phương thức trực tuyến).

# Chương V

# SÀN DỮ LIỆU

## Điều 33. Hoạt động của Sàn dữ liệu

Hoạt động của Sàn dữ liệu bao gồm:

1. Cung cấp tài nguyên liên quan đến dữ liệu để phục vụ nghiên cứu, phát triển khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ liên quan đến dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế xã hội:

a) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu quốc gia;

b) Dữ liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp.

2. Cung cấp dịch vụ:

a) Dịch vụ chào mua, chào bán, giới thiệu, đại diện, đại lý, tư vấn, môi giới, hỗ trợ định giá, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ đàm phán, ký kết giao dịch dữ liệu, sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu;

b) Dịch vụ đấu giá dữ liệu;

c) Dịch vụ cung cấp môi trường để giao dịch, trao đổi dữ liệu và các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

3. Dịch vụ tiếp nhận thông báo về hoạt động xử lý dữ liệu của tổ chức, cá nhân theo ủy thác của Trung tâm dữ liệu quốc gia.

## Điều 34. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu lên Sàn dữ liệu để giao dịch

1. Các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu của cá nhân, tổ chức trên Sàn dữ liệu hoạt động theo cơ chế thị trường, được hỗ trợ định giá bởi tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu hoặc các tổ chức khác có chức năng định giá theo nhu cầu.

2. Cơ quan nhà nước cung cấp sản phẩm, dịch vụ dữ liệu thu phí/giá theo quy định pháp luật; lựa chọn Sàn dữ liệu để cung cấp sản phẩm, dịch vụ; tổ chức đấu giá dữ liệu với giá khởi điểm không thấp hơn phí đầu vào cho sản phẩm, dịch vụ dữ liệu.

3. Các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu trên Sàn dữ liệu bảo đảm xác thực nguồn gốc dữ liệu; tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu hoặc tổ chức khác có chức năng xác thực nguồn gốc dữ liệu có trách nhiệm thực hiện xác thực nguồn gốc dữ liệu.

4. Cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ cung cấp lên Sàn dữ liệu; tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu có trách nhiệm thẩm định các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu bảo đảm tuân thủ theo quy định pháp luật.

## Điều 35. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu

Tổ chức cung cấp hoạt động Sàn dữ liệu phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, trực tiếp hoạt động quản lý tại các trung tâm dữ liệu, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến quản lý dữ liệu và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Đã bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng của Việt Nam hoặc của nước ngoài đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử.

Có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ trên 03 năm tù trở lên chưa được xóa án tích; đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quyết định của Tòa án.

Đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian chờ thi hành quyết định; đang nghiện ma túy; đang được tạm hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính;

b) Có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 40% làm việc chính thức, 30% có chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về: khoa học dữ liệu, phân tích dữ liệu, quản lý, quản trị dữ liệu, tư vấn, môi giới, xúc tiến thương mại; quản trị tài sản; thẩm định dữ liệu.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự.

Có hạ tầng, trang thiết bị sử dụng được đặt tại Việt Nam, được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật và có Đề án hoạt động Sàn dữ liệu bao gồm các nội dung chính sau:

a) Phương án, quy trình hoạt động Sàn dữ liệu bao gồm thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin;

b) Phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ;

c) Phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin của hệ thống cung cấp dịch vụ;

d) Phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức;

đ) Phương án bảo đảm an ninh, trật tự;

e) Phương án về thanh toán;

g) Phương án thẩm định dữ liệu;

h) Phương án sử dụng dịch vụ về định danh và xác thực điện tử;

i) Phương án phòng cháy và chữa cháy, dự phòng thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt;

k) Thuyết minh về trang thiết bị kỹ thuật được sử dụng.

4. Điều kiện về tài chính

Ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam không dưới 05 tỷ đồng để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ do lỗi của tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của tổ chức, doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi giấy phép.

5. Trường hợp tổ chức hoạt động đấu giá dữ liệu thì tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu phải có giấy phép cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật.

## Điều 36. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu

1. Kiểm tra, đánh giá việc đáp ứng điều kiện tham gia Sàn dữ liệu của các chủ thể có liên quan; tính hợp pháp và việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của sản phẩm, dịch vu dữ liệu; khả năng đáp ứng yêu cầu trong việc bảo đảm an ninh, an toàn khi sử dụng sản phẩm dữ liệu. Cụ thể như sau:

a) Điều kiện tham gia giao dịch của các chủ thể có liên quan gồm: Năng lực hành vi dân sự của cá nhân; năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân;

b) Tính hợp pháp và việc đáp ứng điều kiện tham gia giao dịch của sản phẩm, dịch vụ dữ liệu gồm: Nguồn tạo ra sản phẩm, dịch vụ; đối tượng, nội dung, phương pháp, quy trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ; xác định các yêu cầu liên quan đến hạn chế hoặc không hạn chế trong lưu thông, lưu hành sản phẩm, dịch vụ;

c) Khả năng đáp ứng yêu cầu trong việc bảo đảm an ninh, an toàn khi sử dụng sản phẩm dữ liệu gồm: Việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm, dịch vụ dữ liệu; việc tiếp nhận, lưu trữ và xử lý dữ liệu.

2. Giám sát hoạt động trên Sàn dữ liệu, quyết định đình chỉ tham gia của các bên, tiếp tục niêm yết và chấm dứt niêm yết các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu; giải quyết tranh chấp; giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý, ngăn chặn, báo cáo các vi phạm pháp luật; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc kiểm tra, điều tra và thu thập chứng cứ

3. Ban hành quy chế hoạt động và công khai niêm yết trên trang thông tin điện tử của mình. Quy chế hoạt động phải bao gồm các nội dung chính

a) Điều kiện tham gia và trách nhiệm các bên tham gia Sàn ;

b) Quy trình giao dịch;

c) Yêu cầu về việc bảo đảm bí mật thông tin, chống hành vi gian lận;

d) Quản lý rủi ro, xử lý khiếu nại tranh chấp, bảo vệ dữ liệu cá nhân;

đ) Điều kiện về sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu được đưa lên Sàn dữ liệu

4. Thiết lập hệ thống bảo đảm an toàn giao dịch dữ liệu theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các bên tham gia trên Sàn thực hiện bảo vệ dữ liệu, truy xuất nguồn gốc, xác định rủi ro, kiểm tra tuân thủ và sử dụng các biện pháp hiệu quả để bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư cá nhân, bí mật thương mại, và dữ liệu quan trọng theo quy định của nhà nước.

5. Xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn cấp đối với các sự cố an toàn dữ liệu, tiến hành sao lưu khôi phục thảm họa của các hệ thống và cơ sở dữ liệu quan trọng và định kỳ thực hiện các cuộc diễn tập khẩn cấp về an toàn dữ liệu, tăng khả năng ứng phó với các sự cố an toàn dữ liệu; bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần; tuân thủ phương án, quy trình hoạt động đã được phê duyệt.

6. Xây dựng bộ thông số kỹ thuật để đánh giá và quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, hệ thống chỉ số đánh giá tài sản dữ liệu, hỗ trợ định giá sản phẩm, dịch vụ dữ liệu

7. Gửi báo cáo định kỳ 06 tháng trước 20/6 (số liệu báo cáo tính từ 15/12 năm trước đến 15/6 năm báo cáo), định kỳ 01 năm trước ngày 20/12 (số liệu báo cáo tính từ ngày 15/12 năm trước đến hết ngày 15/12 năm báo cáo) hoặc khi có yêu cầu về việc cung cấp dịch vụ Sàn dữ liệu theo [mẫu BC02](#BC02) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Bộ Công an (qua Trung tâm dữ liệu quốc gia).

# Chương VI

# THẨM QUYỀN, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG SÀN DỮ LIỆU, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ TRUNG GIAN DỮ LIỆU, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH SẢN PHẨM, DỊCH VỤ PHÂN TÍCH, TỔNG HỢP DỮ LIỆU, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ PHÂN TÍCH, TỔNG HỢP DỮ LIỆU

## Điều 37. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

2. Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

## Điều 38. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Thành phần hồ sơ

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu TK01](#TK01); Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu TK02;](#TK02) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu TK03](#TK03); Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu TK04](#TK04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại [Điều 26](#_Điều_26._Điều), [Điều 30](#_Điều_30._Điều), [Điều 35](#_Điều_35._Điều) Nghị định này; trừ trường hợp đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

2. Trình tự, thời hạn giải quyết:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích về cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan;

c) Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời;

d) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền quy định tại [Điều 37](#_Điều_37._Thẩm) Nghị định này xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu GCN01](#GCN01), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu GCN02](#GCN02), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN03](#GCN03), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN04](#GCN04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

## Điều 39. Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

1. Các trường hợp cấp đổi

a) Bị hỏng, sai thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

b) Thay đổi nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

2. Các trường hợp cấp lại

a) Bị mất Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu;

b) Thay đổi một trong các thông tin về phương án, quy trình hoạt động sàn dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu quy định tại [Điều 26](#_Điều_25._Điều), [Điều 30](#_Điều_30._Điều), [Điều 35](#_Điều_35._Điều) Nghị định này.

3. Thành phần hồ sơ

a) Tờ khai đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu TK05](#TK05), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu TK06](#TK06), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu TK07](#TK07), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu TK08](#TK08) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy tờ, tài liệu có giá trị pháp lý chứng minh nội dung thay đổi thông tin quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

c) Giấy chứng nhận đã được cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này.

4. Trình tự cấp đổi

a) Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 [Điều 38](#_Điều_38._Hồ) Nghị định này theo phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến cơ quan có thẩm quyền.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu GCN01](#GCN01), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu GCN02](#GCN02), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN03](#GCN03), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN04](#GCN04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

5. Trình tự cấp lại

a) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính công ích về cơ quan có thẩm quyền;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại do bị mất, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu GCN01](#GCN01), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu GCN02](#GCN02), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN03](#GCN03), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN04](#GCN04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi một trong các thông tin về phương án, quy trình hoạt động sàn dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu quy định tại [Điều 26](#_Điều_25._Điều), [Điều 30](#_Điều_30._Điều), [Điều 35](#_Điều_35._Điều) Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến của đơn vị có liên quan;

Trong thời hạn 10 ngày các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản trả lời;

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến tham gia của các đơn vị có liên quan, người có thẩm quyền quy định tại [Điều 37](#_Điều_37._Hồ) Nghị định này có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu GCN01](#GCN01), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu GCN02](#GCN02), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN03](#GCN03), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu GCN04](#GCN04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.

## Điều 40. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu

1. Tổ chức cung cấp hoạt động Sàn dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu bị thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoạt động liên tục từ 06 tháng trở lên;

b) Bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

c) Không khắc phục vi phạm về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Người có thẩm quyền quy định tại [Điều 37](#_Điều_37._Hồ) Nghị định này quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu theo [mẫu QĐ01](#QĐ01), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu theo [mẫu QĐ02](#QĐ02), Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu QĐ03](#QĐ03), Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu theo [mẫu QĐ04](#QĐ04) tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tổ chức cung cấp hoạt động Sàn dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu có trách nhiệm:

a) Nộp lại Giấy chứng nhận đã được cấp cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định thu hồi;

b) Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp các bên tham gia hoạt động này.

# Chương VII

# TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VỀ DỮ LIỆU

## Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan quyết định phê duyệt phương án triển khai hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan thực hiện quản lý hoạt động hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu; hỗ trợ ươm tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu.

3. Hướng dẫn, thống nhất việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu, Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động thử nghiệm có kiểm soát, kinh doanh hoạt động sàn dữ liệu, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, kinh doanh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền.

## Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích và phát triển đổi mới sáng tạo, bao gồm hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và huy động các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực này;

2. Quản lý, hướng dẫn và triển khai các hoạt động nhằm phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo lập môi trường pháp lý hỗ trợ cho các hoạt động này;

3. Xây dựng các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm, bảo đảm khi Nhà nước cho phép doanh nghiệp thí điểm, các rủi ro được kiểm soát chặt chẽ;

4. Bảo đảm việc cho phép và thực hiện thử nghiệm có kiểm soát phải công khai, minh bạch; người dùng được thông tin đầy đủ về tình trạng thử nghiệm, các rủi ro có thể phát sinh và các biện pháp bồi thường thiệt hại nếu có;

5. Tham gia xây dựng các quy định về miễn trừ trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân tham gia thử nghiệm khi đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định, nhằm khuyến khích đổi mới và sáng tạo.

## Điều 43. Trách nhiệm của các Bộ khác, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan chính phủ, liên quan cần phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an trong việc xây dựng, hướng dẫn và triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả trong toàn hệ thống.

2. Quản lý và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình, bảo đảm các hoạt động này phù hợp với chiến lược phát triển chung và đáp ứng yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Tham gia đánh giá, kiểm soát các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình, bảo đảm các thử nghiệm được thực hiện an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

4. Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và triển khai các hoạt động thử nghiệm có kiểm soát tại địa phương, phù hợp với đặc thù và tiềm năng phát triển của từng địa phương.

5. Phân cấp, phân quyền hợp lý, đi đôi với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả trong quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo và thử nghiệm có kiểm soát.

6. Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn trong việc thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thử nghiệm và triển khai các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, đồng thời bảo đảm quyền lợi của người dùng và lợi ích xã hội trong quá trình thử nghiệm.

# Chương VIII

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 44. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Cơ quan quản lý định danh là Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.

Cơ quan quản lý xác thực điện tử là Trung tâm dữ liệu quốc gia - Bộ Công an.”.

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Xác thực điện tử là hoạt động xác thực dữ liệu điện tử nhằm khẳng định tính đúng đắn của dữ liệu được thực hiện qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, hệ thống định danh và xác thực điện tử và các nền tảng dữ liệu khác do chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu quản lý khác do Bộ Công an quyết định.”.

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 3 như sau:

“9. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoạt động tại Việt Nam đáp ứng điều kiện về kinh doanh, cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử đối với cơ quan, tổ chức**

1. Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, hoặc người được người đại điện theo pháp luật, người đứng đầu ủy quyền sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của mình đăng nhập Ứng dụng định danh quốc gia, cung cấp các thông tin theo hướng dẫn và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức sau khi được sự đồng ý của toàn bộ người đại diện theo pháp luật khác của tổ chức (nếu có).

Trường hợp nộp trực tiếp, người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức hoặc người được ủy quyền thực hiện kê khai Phiếu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử dùng cho cơ quan, tổ chức theo mẫu TK02 ban hành kèm theo Nghị định này, nộp hồ sơ tại Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử hoặc cơ quan quản lý căn cước, công an xã nơi thuận tiện.

2. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành kiểm tra, xác thực thông tin về cơ quan, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Trường hợp thông tin về cơ quan, tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thực hiện xác minh thông tin về cơ quan, tổ chức.

3. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo kết quả đăng ký cấp tài khoản định danh điện tử cho người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức thực hiện thủ tục qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc số thuê bao di động chính chủ hoặc địa chỉ thư điện tử.

Trường hợp không đủ điều kiện cấp tài khoản định danh điện tử thì cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử thông báo bằng văn bản, tin nhắn hoặc qua tài khoản định danh điện tử của người thực hiện đăng ký.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 15 như sau:

“2. Khóa tài khoản định danh điện tử của người nước ngoài, của tổ chức

a) Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa tài khoản định danh điện tử trong trường hợp người nước ngoài yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình; người nước ngoài vi phạm thỏa thuận sử dụng Ứng dụng định danh quốc gia; hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người nước ngoài hết hạn sử dụng; người nước ngoài hết thời hạn cư trú trên lãnh thổ Việt Nam; người nước ngoài chết. Việc ghi nhận được thực hiện thông qua việc người nước ngoài khai báo trên Ứng dụng định danh quốc gia hoặc việc cập nhật thông tin quy định tại Điều 8 Nghị định này;

b) Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa tài khoản định danh điện tử trong trường hợp tổ chức yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử của mình hoặc tổ chức đó vi phạm thỏa thuận sử dụng Ứng dụng định danh quốc gia hoặc tổ chức đó bị giải thể, phá sản, tạm dừng, chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật. Việc ghi nhận được thực hiện thông qua việc tổ chức khai báo trên Ứng dụng định danh quốc gia hoặc việc cập nhật thông tin quy định tại Điều 8 Nghị định này;

c) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định này tới Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh để tiếp nhận, xử lý;

d) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu khóa tài khoản định danh điện tử quy định tại khoản 2 Điều này và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể bị khóa tài khoản. Trường hợp từ chối khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Mở khóa tài khoản định danh điện tử

a) Hệ thống định danh và xác thực điện tử tự động mở khóa tài khoản định danh điện tử khi không còn căn cứ khóa tài khoản định danh điện tử;

b) Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh, để tiếp nhận, xử lý;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được gửi Phiếu đề nghị khóa, mở khóa tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh nơi tiếp nhận đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa tài khoản định danh điện tử quy định tại khoản 2 Điều này và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa tài khoản định danh điện tử và chủ thể được mở khóa tài khoản. Trường hợp từ chối mở khóa tài khoản định danh điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thực hiện việc xác thực điện tử đối với danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử và các dữ liệu khác gắn với chủ thể thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng định danh và xác định điện tử theo quy định của Nghị định này.

Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện việc xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử thông qua Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, hệ thống định danh và xác thực điện tử, nền tảng định danh và xác thực điện tử hoặc các hạ tầng công nghệ thông tin khác của Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định của Nghị định này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Phương thức xác thực điện tử trong thực hiện giao dịch thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử, sàn dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia hoặc các phương thức khác do Bộ Công an cung cấp**

1. Việc xác thực điện tử đối với giao dịch trực tuyến được thực hiện qua các phương tiện xác thực phù hợp với mức độ xác thực theo yêu cầu của tổ chức cung cấp dịch vụ trực tuyến đó.

2. Đối với các trường hợp xác thực thông tin tài khoản tại nơi thực hiện giao dịch thực hiện xác thực qua giải pháp xác thực được cung cấp tại Ứng dụng định danh quốc gia, Sàn dữ liệu, Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc giahoặc các phương thức khác do Bộ Công an cung cấp”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

**“Điều 23. Điều kiện cung cấp dịch vụ xác thực điện tử**

1. Điều kiện về tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoạt động tại Việt Nam.

2. Điều kiện về nhân sự

a) Người đứng đầu tổ chức, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

b) Tổ chức, doanh nghiệp phải có trụ sở, hoạt động tại Việt Nam;

c) Tổ chức, doanh nghiệp phải có nhân sự có bằng đại học trở lên chuyên ngành an toàn thông tin hoặc công nghệ thông tin hoặc điện tử viễn thông chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống, vận hành hệ thống, bảo đảm an toàn thông tin của hệ thống.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, quy trình quản lý cung cấp dịch vụ và phương án bảo đảm an ninh, trật tự.

Tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử phải có Đề án hoạt động cung cấp dịch vụ bao gồm các nội dung sau: Phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử bao gồm thuyết minh hệ thống công nghệ thông tin; thuyết minh phương án kỹ thuật về giải pháp công nghệ; phương án lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, bảo đảm an ninh an toàn thông tin của hệ thống cung cấp dịch vụ; phương án bảo vệ dữ liệu cá nhân, tổ chức; phương án bảo đảm an ninh, trật tự; phương án phòng cháy và chữa cháy, dự phòng thảm họa và bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt dịch vụ xác thực điện tử; trang thiết bị kỹ thuật phải được đặt tại Việt Nam và được kiểm định an ninh an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

~~4~~. Tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực dữ liệu đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử trước khi Nghị định này có hiệu lực thì phải bổ sung phương án cung cấp dịch vụ xác nhận, xác thực dữ liệu và được Bộ Công an (Trung tâm dữ liệu quốc gia) phê duyệt trước khi cung cấp dịch vụ xác nhận, xác thực dữ liệu.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 29 như sau:

“2. Người được cấp căn cước điện tử thực hiện yêu cầu khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị khóa căn cước điện tử tới đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh để tiếp nhận, xử lý.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh đề nghị phải xem xét, chuyển đề nghị khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu khóa căn cước điện tử quy định tại khoản 2 Điều này và thông báo tới cơ quan đề nghị khóa căn cước điện tử và công dân. Trường hợp từ chối khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30 như sau:

“2. Người bị khóa căn cước điện tử thực hiện yêu cầu mở khóa căn cước điện tử trực tiếp tại Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh hoặc thông qua Ứng dụng định danh quốc gia theo mẫu TK03 ban hành kèm theo Nghị định này. Cơ quan quản lý căn cước có trách nhiệm ghi nhận, kiểm tra, xác thực và mở khóa căn cước điện tử ngay sau khi nhận được yêu cầu mở khóa căn cước điện tử của công dân trên hệ thống định danh và xác thực điện tử.

3. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền gửi văn bản đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh để tiếp nhận, xử lý.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị mở khóa căn cước điện tử của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan khác có thẩm quyền, đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh phải xem xét, chuyển đề nghị mở khóa căn cước điện tử đến thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an để xem xét, phê duyệt thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử.

5. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý căn cước Công an cấp tỉnh chuyển đến, thủ trưởng cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xem xét, phê duyệt đối với trường hợp yêu cầu mở khóa căn cước điện tử quy định tại khoản 2 Điều này và thông báo tới cơ quan đề nghị mở khóa căn cước điện tử và công dân. Trường hợp từ chối mở khóa căn cước điện tử thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

**“Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Xây dựng, quản lý, bảo vệ và vận hành hệ thống định danh và xác thực điện tử; nền tảng định danh và xác thực điện tử, ứng dụng tài khoản định danh điện tử vào công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về định danh và xác thực điện tử. Quy định thống nhất về nguyên tắc, cấu trúc số định danh của người nước ngoài, số định danh của cơ quan, tổ chức.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc định danh và xác thực điện tử.

4. Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động định danh và xác thực điện tử.

5. Kết nối, tích hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử với Nền tảng trao đổi định danh điện tử của Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ kiểm tra tài khoản, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống định danh và xác thực điện tử.

7. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất phương án kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử; bảo bảo đảm mật, an toàn, an ninh thông tin, phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính trực tiếp và trên môi trường điện tử.

8. Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thống nhất phương án kết nối, chia sẻ, khai thác để sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử, căn cước điện tử được cung cấp, tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo bảo đảm mật, an toàn, an ninh thông tin, phù hợp với cách thức thực hiện thủ tục hành chính trực tiếp và trên môi trường điện tử.

9. Chủ trì, phối hợp với với các bộ, ngành trong việc bảo đảm kết nối, chia sẻ, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phục vụ việc định danh và xác thực điện tử.

10. Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng hệ thống định danh và xác thực điện tử liên tục 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 như sau:

**“Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống định danh và xác thực điện tử.”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

**“Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các bộ, ngành có liên quan thống nhất phương án kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan, tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với hệ thống định danh và xác thực điện tử để tạo lập số định danh và tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức phục vụ hoạt động định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

2. Phối hợp với Bộ Công an trong công tác cấp, quản lý tài khoản định danh điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Bảo đảm sử dụng danh tính điện tử, tài khoản định danh điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử thuộc chức năng quản lý được pháp luật quy định.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

**“Điều 41. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện, Bộ Công an phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp xử lý các vấn đề theo chức năng quản lý nhà nước. Trường hợp cần thiết báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”.

## Điều 45. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;*-* Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Kiểm toán nhà nước;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KSTT. | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Phạm Minh Chính** |

**Phụ lục**

*(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu HDTN01 | Đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN02 | Đề nghị cấp giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN03 | Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN04 | Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN05 | Đề nghị điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN06 | Đề nghị điều chỉnh giải pháp thực hiện hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN07 | Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân  |
| Mẫu HDTN08 | Báo cáo kết quả hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN09 | Đề nghị cấp giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN10 | Đề nghị cấp giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN11 | Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN12 | Giấy chứng nhận kết thúc hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN13 | Đề nghị gia hạn thời gian tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN14 | Đề nghị gia hạn thời gian tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu HDTN15 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho cá nhân |
| Mẫu HDTN16 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát dành cho tổ chức |
| Mẫu BC01 | Báo cáo về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu BC02 | Báo cáo về việc cung cấp dịch vụ sàn dữ liệu |
| Mẫu TK01 | Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu  |
| Mẫu TK02 | Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu  |
| Mẫu TK03 | Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu  |
| Mẫu TK04 | Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu TK05 | Tờ khai đề nghị cấp lại, thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu |
| Mẫu TK06 | Tờ khai đề nghị cấp lại, thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu |
| Mẫu TK07 | Tờ khai đề nghị cấp lại, thay đổi đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu TK08 | Tờ khai đề nghị cấp lại, thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu GCN01 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu |
| Mẫu GCN02 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu |
| Mẫu GCN03 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu GCN04 | Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu QĐ01 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động Sàn dữ liệu |
| Mẫu QĐ02 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu |
| Mẫu QĐ03 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |
| Mẫu QĐ04 | Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu |